

**CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP GIÁO DỤC AE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP GIÁO DỤC AE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AE AGRICULTURAL EDUCATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AE AGRICULTURAL EDUCATION CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301242038

**3. Ngày thành lập:** 25/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 372, tờ bản đồ số 7, Đường Kinh Dương Vương, Phường Hồ, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0974643996

Fax:

Email: vietnamafp@gmail.com

Website: www.http://ae.vn

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;<br>- Bán buôn hoa và cây                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>- Bán buôn thủy sản<br>- Bán buôn rau, quả:<br>+ Bán buôn các loại rau, nấm, củ, tươi, đông lạnh và chế biến, nước rau ép;<br>+ Bán buôn quả tươi, đông lạnh và chế biến, nước quả ép.<br>- Bán buôn cà phê<br>- Bán buôn chè<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác - Kinh doanh thực phẩm chức năng | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4633     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. | 4649        |
| 7.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0118        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0161(Chính) |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0162        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0163        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0240        |
| 12. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất cháy cháy, chất nổ, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ các chương trình văn nghệ, sự kiện phim ảnh.)                                                                                                           | 8230        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Trừ mặt hàng nhà nước cấm)                                                                                                                                               | 8299        |
| 14. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng mềm                                                                                                                                                                                                                               | 8559        |
| 15. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục;<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                                                                                     | 8560        |
| 16. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư<br>(Trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán, thuế)                                                                                                                                                          | 6619        |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán, thuế)                                                                                                                                                                                                                                | 7020        |
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 19. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                  | 4711        |
| 20. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                | 4721        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh:<br>+ Rau, nấm, tươi, ướp lạnh, hoặc đã được bảo quản cách khác;<br><br>+ Quả, tươi, ướp lạnh hoặc đã được bảo quản cách khác;<br>+ Nước rau ép, nước quả ép.<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722 |
| 22. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4723 |
| 23. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>(Không bao gồm giết mổ gia súc, gia cầm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1010 |
| 24. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1020 |
| 25. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1030 |
| 26. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ.                          | 4781 |
| 27. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4785 |
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá, bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791 |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4932 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 32. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5510 |

|     |                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm   | 5590 |
| 34. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                 | 5610 |
| 35. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                         | 5621 |
| 36. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán rượu, bia, quầy bar;<br>- Quán cà phê, giải khát. | 5630 |
| 37. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                         | 4761 |
| 38. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                       | 4763 |
| 39. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                         | 4764 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN THẾ LỊCH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/06/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036072008693

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tập thể Viện Khoa học Việt Nam, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P1620 Tổ hợp Văn phòng, Dịch vụ Thương mại và Nhà ở Xã hội, số 30 Phạm Văn Đồng, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THẾ LỊCH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/06/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036072008693

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tập thể Viện Khoa học Việt Nam, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P1620 Tổ hợp Văn phòng, Dịch vụ Thương mại và Nhà ở Xã hội, số 30 Phạm Văn Đồng, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh